

LUẬN A TỖ ĐẠT MA THUẬN CHÁNH LÝ

QUYỂN 27

Phẩm 3: NÓI VỀ DUYÊN KHỞI (PHẦN 7)

Như thế, vì đã thành lập thủ làm duyên, nên khi rong ruổi, tìm tòi các thứ cảnh vừa ý, tất nhiên nhất định lôi kéo sự sinh, chiêu cảm nghiệp hữu vị lai, nghĩa là do sức của ái, khi thủ tăng thịnh đủ thứ rong ruổi tìm tòi cảnh thiện, bất thiện, vì được cảnh đó, nên chứa nhóm rất nhiều công năng chiêu cảm nghiệp tịnh, bất tịnh của hữu sau. Phần vị sinh của nghiệp này, gọi chung là chi hữu, nên biết trong đây, do đó nương dựa ở đây, vì công năng có quả vị lai, nên đặt tên hữu.

Thương tọa giải thích: Hữu là tánh hữu, nên Đức Thế Tôn nói: Hữu, nghĩa là sự sinh khởi của hữu sau vị lai. Tánh hữu, tức là nghĩa sinh khởi của quả ở đời vị lai.

Cách giải thích như thế, trái với lý, giáo, hữu lẽ ra với sinh, không có khác biệt, nên thể của quả vị lai sinh khởi, tức chi sinh, thì chi duyên khởi, ấy là số có giảm. Nếu cho rằng vì hiện nghiệp là nhân của hữu, nên giả đặt tên hữu, cũng không đúng. Thể nghiệp tức là vì tánh hiện hữu, nên nghiệp là tánh hiện hữu, công năng làm nhân của hữu vị lai, nên không thể chỉ nói vì có nhân, nên gọi hữu. Tự tánh là hữu, đâu thể giả đặt danh, như nghiệp có làm nhân chiêu cảm dị thực, có quả hữu này, há là nhân hữu giả làm tên?!

Nếu thừa nhận giả đặt danh, không phải mất đi tự thể của hữu, công năng hữu, đối tượng của hữu vì đều có tánh hữu, nên làm chứng nghĩa hữu kia, không lẽ dẫn kinh này. Do văn kinh này có bài tụng khác.

Tụng khác là sao?

Như có bài tụng nói hữu nghĩa là công năng khiến sinh khởi hữu sau. Nếu như tụng kia, về lý cũng không trái với hữu này. Ở trong nhân, này nói tên quả. Do có thể là nhân khởi hữu đương lai. Giả nói hữu vị

lai sinh khởi sau. Vì chỉ rõ nghĩa này, nên Đức Thế Tôn nói: Thủ duyên hữu rồi. Kế vì biểu thị hữu là duyên sinh nên nói kinh này. Lại hữu ở sinh làm nhân rất gần nên Khế kinh nói: Nghiệp làm nhân sinh vì chỉ rõ nghiệp hữu là nhân gần của sinh, nên ở trên nhân của nghiệp hữu. giả nói tên quả, việc này tất nhiên. Cho nên, tổng kết ở sau nói vì thủ duyên hữu, hữu duyên sinh.

Lại, kinh khác nói: Phật bảo Khánh Hỷ! Vì tạo lấy nghiệp của hữu sau, nên trong đây gọi hữu. Thế nên, Thượng tọa bộ đã dẫn Khế kinh đối với tự giải thích hữu không thể làm chứng. Chỉ pháp đối pháp đã giải thích tên hữu, phù hợp với lý, thuận với kinh rất là thù thắng. Hữu có hai thứ, đó là dị thực và nghiệp. Nay, ở trong đây, chỉ lấy nghiệp hữu, nhằm nói tánh nhân gần của quả sinh vị lai. Như trong Khế kinh đã tụng khác như trước nói: “Hữu, nghĩa là công năng khiến hữu sau sinh khởi”, tức như nói chi hành của nghiệp đời trước. Nay, nghiệp trong đời sau, gọi là hữu. Đây là chứng tỏ đời trước sau của sinh tử đồng, chiêu cảm nghiệp làm nhân với lấy quả dị thực.

Thượng tọa bộ chấp giả đối tên chi hữu này, thâm nhiếp chung tất cả hữu, vì kinh không nói riêng, nghĩa là Đức Phật nói chung về hữu, vì lược có ba, nên biết chi hữu thâm nhiếp tất cả hữu.

Nếu không đúng, Đức Thế Tôn nên nói hữu này là hành, hoặc nói là nghiệp. Lại có kinh chứng, như Khế kinh nói: hữu nghĩa là sự sinh khởi của hữu sau vị lai.

Lại, Đức Thế Tôn bảo A-nan-đà: Hữu lược có ba: Dục, Sắc, và Vô sắc:

Lại, Đức Thế Tôn bảo Tôn giả A-nan-đà: Nghiệp chiêu cảm hữu sau vị lai gọi là hữu. Lại, Khế kinh nói: Các hữu, nếu không có, thì một ít hữu, có không? Cho đến nói rộng, nên thủ có thể tạo ra sinh nhân của nghiệp hữu. nghiệp giúp đỡ hữu, khiến sinh có khởi, đây là nói lược.

Tông của Thượng tọa bộ nói như thế, đều chẳng phải khéo nói, mặc dù không nói riêng, nhưng có giải thích riêng, như nói: Thức v.v... duyên danh sắc v.v... Mặc dù ở trong đây, nói chung duyên khởi có ở khắp ba cõi, mà thừa nhận có dựa vào, hữu ở trong đó để nói. Thức duyên danh sắc, danh sắc duyên sáu xứ. Như thế, trong đây dù không nói riêng, nhưng có giải thích riêng, nghĩa là nghiệp lệ thuộc ba cõi, tức có nói tên ba cõi hữu. Như thế, có lỗi gì?

Nếu khác với đây, thì lẽ ra thâm nhiếp phi tình, nghĩa là Thượng tọa bộ kia tự nói: Nếu đối với pháp này, tùy tăng tham v.v... của Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc, pháp này như phải, gọi là hữu ba cõi, các pháp phi

tình cũng tùy tăng tham v.v... của cõi Dục, cõi Sắc, vì ở trong đây không nói riêng, lẽ ra cũng phải thâm nhiếp hữu kia, mà Thượng tọa bộ kia đã không thừa nhận, nên chẳng phải thâm nhiếp chung.

Nếu cho rằng trong đây dựa vào vô minh v.v... vì hữu tình mà nói, thì mặc dù nói chung hữu, nhưng không thể cho cũng thâm nhiếp phi tình. Há không là trong đây chỉ căn cứ ở thứ lớp trôi lăn, hoàn diệt và dựa vào hoặc, nghiệp làm nhân chiêu cảm sự sinh? Vì theo thứ lớp nói, mặc dù nói chung hữu, nhưng tùy theo chúng thích hợp, chỉ dựa vào nghiệp bất thiện, thiện hữu lậu, nói vì ba hữu cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô sắc.

Nếu thể của hữu này như chi hành kia, thì sao không như nghiệp dùng tên hành để nói, trước kia, ở trong danh nghĩa tư duy lựa chọn hành?

Đã nói vì pháp khác không có nghĩa được tùy theo sao không gọi nghiệp?

Vì muốn chỉ rõ nghiệp này chiêu cảm nhân của hữu sau, là sự khác nhau của nghiệp, chẳng phải tất cả nghiệp đều là nhân của hữu sau, nên đặt tên hữu, không nói là nghiệp.

Lại, nghiệp được gọi hữu, là cực thành của Thánh giáo, như kinh Thất Hữu gọi là nghiệp hữu, nên thuyết mà kinh kia nói, không nói riêng.

Biết tên chi hữu là thâm nhiếp các hữu, tức trái với giáo lý, nên chẳng phải là khéo nói. Thượng tọa bộ kia dẫn chứng kinh, nên phải nói thích đáng tường tận. Vả lại, trong kinh đầu tiên dẫn kinh Phả-lặc-cụ-na nói: Hữu nghĩa là sinh khởi của hữu sau vị lai. Điều này, trước đây đã giải thích, nghĩa là văn kinh này vì có tụng khác và vì nói tên quả ở trong nhân.

Lại, Thượng tọa bộ kia đã dẫn Khế kinh Tam Hữu, cũng không trái nhau. Vì vấn đáp chung, nên chẳng phải chúng ta nói tất cả thủ uẩn đều không gọi hữu, chỉ vì trong chi hữu, nghiệp có vượt trội hơn, chỉ nghiệp được tên. Nhưng A-nan-đà kia hỏi chung các hữu, vì không hỏi về chi hữu. Đức Phật lại trả lời chung, nên dẫn kinh kia chẳng phải chứng minh chi hữu dùng chung các hữu ba cõi làm thể.

Lại, Khế kinh Nhị Hữu mà Thượng tọa bộ kia đã dẫn, cũng không trái nhau, vì nói chung, nghĩa là nói chung tiếng hữu ở trong nghiệp hữu, dị thực hữu, vì đều có tánh hữu, để nói hết thấy quả nghiệp lệ thuộc ba cõi. Nay, ở đây, vì biểu thị nghiệp và dị thực có nhân quả khác nhau, nói là hữu riêng, hoặc hữu ba cõi, dùng một tiếng hữu, để nói vô lượng

môn các pháp hữu lậu. Nay, ở đây chỉ nói việc chiêu cảm nghiệp vị lai và quả hữu sau, gọi chung là hữu. Hoặc kinh này nói chiêu cảm nghiệp đương lai và quả hữu sau, gọi hữu. Kinh này chính là nói, chiêu cảm nghiệp của hữu sau gọi là chi hữu.

Vì sao dẫn kinh chứng, gọi chung hữu, nên ở sau văn này, lại nói thế này: Nếu nghiệp hữu trói buộc nơi cõi Dục không có, thì có được nêu đặt hữu cõi Dục hay không?

Không, bạch Đức Thế Tôn! Cho đến nói rộng. Đây là chứng tỏ, phải có nghiệp hữu, mới có nghĩa dị thực hữu, tức chánh là nói có duyên sinh, nghĩa là phần vị sẽ sinh. Đã có dị thực thân căn, mạng căn, nói tên hữu sau. Như thế, tức dùng tiếng hữu để nói về sự sinh, chẳng phải nghiệp đều có dị thực hiện hành, gọi là hữu, vì nghiệp này đối với hữu sau không có tác dụng chiêu cảm.

Như thế, Thánh giáo thuận với tông chỉ của luận đối pháp, sao lại dẫn kinh để chứng thành nghĩa của nghiệp hữu kia? Lại, thuyết kia dẫn kinh Đại duyên khởi: Nếu các hữu không có, thì cho dù có hữu v.v... cũng không trái nghĩa, nên lại dẫn kinh để chứng thành nghĩa của nghiệp hữu.

Trong đây, Đức Thế Tôn vì nói khi công năng của hành, hữu nhận lấy quả và cho quả riêng, nói các hữu nếu không có, ít hữu có không tức là, gởi gắm câu hỏi khi muốn biểu thị nghiệp nhận lấy quả, là nếu vào lúc này, không có nghiệp hữu hiện tại, tất nhiên sẽ không có nghĩa dẫn sinh hữu ở vị lai. Sau văn này, lại nói thế này: Nếu các hữu không có, thì sẽ có sinh hay không? Đây là mượn câu hỏi để biểu thị thời gian nghiệp cho quả, nghĩa là nếu nghiệp hữu quá khứ không có, thì sẽ không sinh hữu. Nay, nghĩa khởi thích đáng, hoặc ý của văn sau biểu thị nghiệp hữu. Mặc dù đã nhận lấy quả rồi, nhưng phải là chưa đoạn diệt, mới có cho sự sinh, khiến khởi nghĩa thích đáng.

Nếu không có nghiệp quá khứ cho dù chưa dứt, nhưng đã diệt, không có tự thể, đâu có công năng cho sự sinh? Mà nay, Khế kinh nói như thế này: Nếu cho rằng vì cũng có xưa tùy theo cõi, nên ở đây chỉ có lời nói, không có lý làm nhân, nên nghĩa kinh của một phần này có khác nhau, không phải chứng, phải có nghiệp hữu hiện tại, mới khiến cho quả hữu hiện tại cũng có. Hiện nghiệp đều có, chẳng phải quả của hiện nghiệp.

Làm sao không có nghiệp, hữu kia bèn không có?

Kinh này chẳng phải chứng chi hữu thâm nhiếp chung hữu. Nghiệp hữu trong đây là công năng hữu. Nếu hữu dị thực là sở hữu, thì sở hữu

như thế, tức là quả nghiệp vị lai sẽ sinh nghĩa khác nhau.

Trong đây, chánh nói công năng hữu của hữu vi đã thành lập đủ, như chi hành ở trước. Nhưng Thượng tọa bộ kia lại nói: Cho nên, thủ có thể tạo tác sinh nhân của Nghiệp hữu. Nghiệp giúp đỡ hữu, khiến hữu khởi. Đây chẳng phải nói về đế, chỉ các nghiệp của thủ làm chi hữu này. Vì đã thường thành lập ở văn trên, vì Khế kinh chỉ nói thủ duyên hữu, nên chỉ thừa nhận nghiệp hữu, vì thủ làm duyên.

Há không phải Thượng tọa bộ đã lập chi hữu ở trong nghĩa này, chỉ là nghiệp hữu, không nói dị thực hữu. Do đó, đã nói nghiệp giúp đỡ hữu, khiến sinh hữu khởi, chỉ như trẻ con đứng ở nhà mình, chơi đùa, vì chẳng phải Phật nói. Nghiệp đều có hành, hữu, sinh ở quả sau, không có công năng chiêu cảm, vì trước kia đã nói.

Nếu cho rằng nghiệp hữu do dị thực hữu giúp đỡ, vì sức ấy, nên làm nhân của sinh hữu. Đây là tông của Thượng tọa bộ kia, ở vị khởi của nghiệp hữu sinh cõi Vô sắc, đều không có dị thực. Đã không có sức giúp đỡ, thì không nên chiêu cảm sự sinh.

Hoặc cho rằng, bấy giờ có cõi dị thực, vì trước đã đả phá, về lý cũng không thành. Nếu thừa nhận nghiệp hữu, vì sức giúp đỡ của dị thực hữu, nên làm nhân của sinh, hữu, đây tức là chi hữu, chỉ là nghiệp hữu, chỉ nghiệp hữu này dùng thủ làm duyên hay tạo ra duyên sinh, nghĩa ấy được thành lập.

Các phái Đối pháp cũng thừa nhận tất cả phần vị vô minh v.v... đều có đủ năm uẩn. Nhưng căn cứ ở phần trội hơn để đặt tên chi, phần khác, kém thua câu sinh, chỉ giúp đỡ, nên dị thực hữu ở trong chi hữu chẳng phải đặt tên nương tựa, vì không phải trội hơn. Lại, Thượng tọa bộ kia ganh ghét phần nộ buộc tâm, chê mắng tiên Hiền, nói thủ duyên hữu, chỉ biểu thị nghiệp hữu dùng làm chi hữu, nên tự hỏi: Khế kinh đã nói: Thủ duyên hữu.

Làm sao biết? Liền tự đáp:

Vì hiện thấy, nghĩa là nay hiện thấy dục thủ làm nhân. Vô lượng hữu tình tạo các thứ nghiệp. Nhân giới cấm thủ, người nội, ngoại đạo, các thứ thọ trì hành nghiệp khổ nạn. Nhân thủ kiến v.v... sư Tỳ-bà-sa, người ngoại đạo v.v... khởi tranh luận nghiệp.

Trong đây, Thượng tọa bộ kia tự không nói chi hữu, nghĩa là thủ làm duyên dị thực của nghiệp hữu. Đức Phật cũng không nói, vì lìa chi nghiệp hữu, nên lời Thượng tọa bộ kia nói, thâm nhiếp chung tất cả hữu vi thủ duyên hữu, nghĩa là trái nhau, không thuận với lời Thánh, chẳng phải đệ tử Phật.

Như đây, đủ chứng tỏ thuyết nói trái với lời lý, giáo, vương mắc trái với giáo lý, vọng kiến điên đảo, chấp là chân chánh, tông ngoại đạo khác. Lời của sư Tỳ-bà-sa, thuận với giáo lý, sở hữu kiến giải phù hợp với lý giáo, bác bỏ thành tà vọng, đồng với các ngoại đạo.

Như thế, bề nhóm khen mình, chê người, người có trí nghe nói rất có thể cười gằn. Thế nên thuyết trước nói, nay trong đây, chỉ nhận lấy nghiệp hữu nói quả của đời vị lai, vì tánh nhân gần, lý khéo thành lập, chỉ do nghiệp hữu qua đời từ đây. Lại, kết sẽ sinh, vì chẳng phải dị thực. Phần vị sinh hữu chánh kết tức lập làm chi sinh. Trong sự sinh này, vì hành làm duyên, nên phần vị kết sinh đầu tiên, được gọi là chi thức. Như thế, sự sinh, vị lai, vì duyên hữu, nên phần vị kết sinh đầu tiên, gọi là chi sinh. Vị này, tên này, vì đang được cần, nghĩa là dụng thức rõ ràng ở hiện đời, trong đời vị lai, dụng sinh rất rõ rệt tùy rõ tự dụng lập dùng tên chi.

Hoặc trong kinh khác, vì nói sinh khổ, vì tạo ra cõi trời. Nghiệp hữu sau, nghĩa là vì khiến sinh chán bỏ, nên nói là sinh.

Hoặc biểu thị nghiệp hữu sau, đều có công năng chiêu cảm quả khổ. Vì khiến cho không tạo, nên nói là sinh. Do đó, kinh khác nói về khổ sinh v.v... rất ráo vắng lặng, gọi Bát Niết-bàn, ta không nói sinh, gọi là nương tựa hành bất tương ưng. Thế nên, Thượng tọa bộ lập ra lời vấn nạn, như ở chốn vắng vẻ, một mình khóc lóc!

Lại trước tư duy lựa chọn trong tướng hữu vi. Vì đã loại bỏ lời nói của người kia, nên không nói lại. Sau chi sinh này, đến các vị trung gian của chi thọ vị lai, gọi chung già chết, tức như bốn chi hiện tại sáu xứ, danh, sắc, xúc, thọ, ở vị lai sinh bốn phần vị như thế, được gọi là già chết.

Vì khiến chán bỏ, ưa thích tâm hữu vị lai, dùng tên già chết biểu thị tai hại lỗi lầm vị lai. Nếu thức đời nay, tức sinh vị lai. Thức hiện nay làm duyên, chỉ sinh danh sắc. Sinh lẽ ra không phải làm duyên khắp già chết, hoặc chẳng phải có ở cả bốn vị, nên đến thọ vị lai, gọi là già chết, nên lại tư duy lựa chọn. Điều này không có lỗi, vì tên chi già chết, nhất định có ở cả bốn vị, vì tùy theo chấp nhận hữu, nên nói dùng sinh làm duyên, vì mỗi chi đều gọi già chết. Đối với phần vị già chết, nói có bốn chi, nhằm biểu thị sinh vị lai, cũng như hiện tại, được có nghĩa làm nhân quả trước, sau.

Làm sao biết được Đức Phật dùng tiếng già chết, để nói chung bốn thứ như danh, sắc v.v... ở vị lai. Đức Phật ở trong quả bờ mé sau của duyên khởi, đã nói một chi, chỉ có bốn chi còn lại.

Như thế, biểu thị thích đáng ở trong ba đời, đủ mười hai chi hữu quay vòng vô thủ. Vượt qua mười hai chi này, lại nói, là luống uổng, vì nói nghĩa mười hai chi viên mãn.

Nếu cho quả vị lai chỉ nên nói về sự sinh, đối với nghĩa đã thuyết ngoài ra vô dụng thì điều này cũng phi lý, nếu chỉ nói sinh, vì nói chưa khắp trong quả bờ mé sau, như hai chi đời quá khứ làm nhân, chiêu cảm quả hiện tại, đã nói viên mãn.

Như thế, với ba chi hiện đời làm nhân, chiêu cảm quả vị lai, lẽ ra cũng nói đủ, vì biểu thị đời sau như đời trước. Nếu khác với sự kiện này, thì giáo sẽ trở thành lỗi giảm. Do nói không khắp, vì quả của bờ mé sau. Hoặc người ngu nghe nói thế giới của trời Tỳ-sắt-noa v.v... nếu chư thiên trong các thế giới được vãng sinh, Trời kia chỉ có sinh không có già chết. Nghe rồi, họ gây tạo, tập hợp các thứ tà nhân. Đức Như Lai nói sự sinh đều có già chết. Vì ngăn dứt người ngu nọ vì phương tiện cầu sinh, nên đối với quả vị lai, không chỉ nói sinh.

Thượng tọa bộ kia nói: Đức Thế Tôn không dùng tiếng già chết, để nói bốn chi vị lai, vì tên già chết không có khác nhau.

Lại, Khế kinh nói cho đến tử, lời nói của Thượng tọa bộ kia phi lý, vì trước đã nói, nghĩa là trước đây đã nói trong quả của đời sau.

Đã nói một chi, chỉ còn bốn chi khác, nên bốn chi dù khác, nhưng vì nghĩa già chết đều có ở cả bốn chi nên dùng một tên để nói bốn, không có lỗi.

Như thế mà nói, để chứng tỏ sự tương ứng nhân quả của đời trước, sau không tăng, không giảm. Nếu vượt qua bốn vị, lập chi già chết, nói, ấy là tăng, vì không có đối tượng giải thích, cũng gọi là giảm, vì nói không khắp. Do già chết này, thâm nhiếp nhất định bốn chi, cho đến lời nói chết, cũng không có lỗi, vì quả nghiệp của đời trước, chết là đời sau, không phải vượt qua bốn chi, thì có riêng già chết. Quả nghiệp của đời sau, về lý lẽ ra cũng như thế, trừ vị sinh đầu tiên, vị còn lại gọi già chết. Đối với vị sau cuối, nói cho đến rằng: “Cho đến”, chẳng phải khi trước không gọi già chết, lại đối với nhất định có mà nói: Cho đến, vì đối với sau chi sinh, nhất định là hữu, do đó thuyết kia không thể thọ nhận. Vì sao chỉ dùng tên của tướng hữu vi, nói là quả của đời sau, không nói đời trước, hiện, không hiện thấy? Vì có sự khác nhau, nghĩ a là thể của quả đời trước và sinh v.v... đều có thể hiện thấy, nêu thể liền biết. Hai thứ đời sau đều chẳng phải hiện thấy, chỉ nói rõ lỗi kia, khiến chán thôi dứt mong cầu, như nói: Bí-sô! Sắc sinh trụ, khởi, nên biết, tức là nghĩa khổ, sinh, bệnh, trụ, già chết khởi, cho đến nói rộng.

Sinh và già chết đều nói một chi, vì biểu thị thời gian khác của công năng kia. Hoặc Đức Phật ở trong nghĩa duyên khởi này, nói thế tục sinh v.v... chẳng phải căn cứ thẳng nghĩa để nói. Vị khởi đầu tiên kia gọi chung gọi sinh, trong vị sau cuối, gọi chung là già chết, chẳng phải hữu nhất định, hữu nhưng thuận với tử, nên không lập chi riêng, gọi chung già chết. Hoặc vị tăng uẩn, nói chung gọi sinh, trong vị giảm của uẩn, gọi chung già chết. Hoặc việc mà các ngu phu ưa thích, gọi chung là sinh, tức việc mà người ngu kia chán ghét gọi chung là già chết nên sinh và già chết, đều lập riêng một chi.

Há không là cũng có tử duyên sinh, vì sao chỉ nói sinh duyên tử. Vì quyết định nên tạo ra thuyết như thế này: Nghĩa là có tử, chẳng phải nhất định có sinh. Các hữu sinh, nghĩa là nhất định có tử.

Nếu vậy, có sinh, chẳng phải nhất định có già? Vì sao già trong đây căn cứ ở thế tục, sao có thể nói sinh duyên già ư?

Vì nếu không có sinh, thì nhất định sẽ không có già, như ở chỗ không có mây, nhất định sẽ không có mưa, chẳng phải sinh trong đây nhất định từ Tử hữu Vô gián mà khởi, vì có Trung hữu của chi sinh Vô gián mà được sinh. Do đó, Đức Phật nói duyên khởi của hữu tình có đủ nghĩa mười hai chi, khéo thành lập. Lại, các duyên khởi, nói có bốn thứ khác nhau:

1. sát-na.
2. Nối tiếp xa.
3. Ràng buộc liên tục.
4. Phần vị.

Có thuyết khác lại nói: Chỉ rõ công năng của pháp, sát-na trong đây, nghĩa là nhân và quả cùng thời gian vận hành ở thế gian, như Khế kinh nói: Mắt và sắc làm duyên sinh ra nhãn thức v.v...

Có sư khác nói: Trong một sát-na có mười hai chi, thật có cùng khởi, như tham cùng khởi phát nghiệp trong tâm. Si, nghĩa là vô minh, tư tức là hành. đối với sự các cảnh phân biệt rõ gọi là thức. Thức cùng có ba uẩn, gọi chung là danh sắc. Các căn có sắc, nói là sáu xứ, xúc tương ứng với thức, gọi là xúc, thức tương ứng với thọ gọi là thọ. Tham, tức là ái các uẩn tương ứng với ái này, gọi là thủ. Đã phát ra hai nghiệp thân, ngũ gọi là hữu.

Các pháp như thế, khởi tức gọi sinh, biến đổi thành thực gọi già, diệt hoại gọi là chết.

Thượng tọa bộ cho rằng, đây không phải lời nói hợp lý, vì không có nhân, quả trong một sát-na, vì trái với Thánh giáo, vì là thuyết nói

liễu nghĩa, nghĩa là phẩm câu sinh, nhân quả nhất định không có. Trong pháp câu sinh, nhân gì, quả gì? Lại, thuyết đã nói ở đây trái với Thánh giáo, như Đức Thế Tôn bảo A-nan-đà: Nếu thức không vào trong thai mẹ, thì danh sắc có được thành Yết-thích-lam không?

Hành có ba thứ: Đối với các thọ hỷ. Được gọi là thủ. Ta sẽ vì ông nói pháp tăng, giảm: Hành khổ, tập của cõi, hành khổ diệt của cõi, đều chẳng phải phẩm loại này có thể có tập, một, chỉ do vô lượng lỗi lầm của trạo cử, bị mê hoặc do giống yêu quái ở gốc đá, khinh thường phát ra lời nói này.

Lại, Khế kinh này là thuyết liễu nghĩa, Đức Thế Tôn quyết định nói kinh liễu nghĩa này là chỗ dựa, do Phật tự giải thích trong đây.

Một loại này thừa nhận, chẳng phải tông chỉ thích đáng. Nếu là tông chỉ, thì việc vấn nạn cũng phi lý, vì một niệm cũng có nghĩa duyên khởi, nên chẳng phải chuyên vì niệm này mà soạn luận, nên vì đã thành lập, vì các thứ thuyết, vì Khế kinh nói, vì không phải đã thừa nhận, nghĩa là trước đã nói không phải chỉ mười hai, thuyết gọi duyên khởi. Mất sắc làm duyên, sinh ra nhân thức v.v... là vì duyên khởi. Thượng tọa bộ ở đây Há không chịu thừa nhận?

Lại, chẳng phải vì lập một sát-na của thuyết nhân quả đều cùng thời gian. Có luận duyên khởi, chỉ vì chỉ rõ pháp tương ứng, có nghĩa là trước kia đã nói: Trong một sát-na có đủ mười hai chi có thật đều cùng khởi. Mười hai chi như thế vì sức lần lượt sinh, vì sức của nhân trước khởi, nên tư duy lựa chọn riêng. Lại, đã thành lập có nhân Câu hữu, tương ứng của nghĩa sau sẽ lại phân biệt.

Lại, Phật nói các thứ nghĩa duyên khởi, không thể tin một mà là bác bỏ chung. Do trong Khế kinh hoặc nói mười hai hoặc mười một v.v... Như trước đã nói: Mỗi chi duyên nói cũng khác, nghĩa là hoặc có thuyết nói: Vô minh duyên hành, hoặc lại có chỗ nói: Xúc duyên hành, như kinh Liễu Đạt. Hoặc lại có chỗ nói: Ái duyên hành, như kinh Yết Ma. Hoặc lại nói có chỗ hành duyên thức, hoặc có chỗ nói danh sắc duyên thức. Hoặc lại có chỗ nói: Hữu duyên thức, hoặc có chỗ nói: Sáu xứ duyên xúc. Hoặc có chỗ nói: Danh sắc duyên xúc. Như trong Khế kinh Đại Duyên Khởi nói. Hoặc lại có chỗ nói hai duyên xúc, như Già-tha nói: hai thứ mắt, sắc bình đẳng. Hoặc lại có thuyết nói: Ba thứ hòa hợp xúc. Hoặc lại có chỗ nói: Xúc duyên thọ, hoặc có chỗ nói hai duyên thọ tức thuyết mà trong Già-tha đã dẫn ở trên. Hoặc lại có chỗ nói: Thọ duyên ái. Hoặc lại có chỗ nói xúc duyên ái, như kinh Liễu Đạt. Hoặc có chỗ nói vô minh duyên ái, như kinh Yết ma, tức Khế kinh kia

nói nghiệp duyên mắt.

Kinh khác lại nói: Danh sắc duyên mắt. Có kinh khác nói: Đại chủng duyên mắt.

Vô lượng các Khế kinh như thế v.v... Đức Phật nói các duyên khởi khác nhau.

Thế nên, Thượng tọa bộ đã dẫn Khế kinh, cũng không trái với duyên khởi sát-na này. Đã nói duyên khởi kia đây, về lý không có trái nhau.

Lại, Đức Phật tự nói duyên khởi sát-na, nghĩa là trong khoảnh khắc sát-na, có nhiều vật thể nương tựa nhau, như Khế kinh nói: Mắt, sắc làm duyên sinh si, sinh tác ý nhiễm, vẫn đục. Có si trong đây, tức vô minh. Người si mê mong cầu, tức gọi là ái. Ái, nghĩa là đã phát biểu tức gọi nghiệp. Nếu ở trong đây, lại nói thức v.v... là thể của chi khác, thì sẽ trái với lý giáo nào?

Đã không có sai trái, sao không chịu thừa nhận?

Lại, chẳng phải chúng ta thừa nhận kinh đã dẫn kia, nói kinh duyên khởi là thuyết liễu nghĩa, không phải tướng liễu nghĩa. Sau sẽ nói.

Nếu thừa nhận kinh kia là thuyết liễu nghĩa đi chẳng nữa, cũng sẽ không trái hại duyên khởi sát-na. Thượng tọa bộ ở đây, nảy sinh ngờ vực phi lý, mà nói thế này: Vô lượng lỗi lầm, bị mê hoặc do lũ yêu quái ở trong gỗ đá, phát khởi khinh thường lời nói này.

Nay, ở trong đây, căn cứ vào lý Đối pháp, lược nói ý Thượng tọa bộ kia đã nói trước đây, như tham cùng khởi, phát khởi nghiệp ở trong tâm, đủ mười hai chi.

Căn cứ vào đâu mà nói?

Vì căn cứ vào nhân phát khởi nghiệp, bình đẳng khởi tâm vì căn cứ ở sát-na bình đẳng khởi tâm mà nói.

Nếu căn cứ nhân phát nghiệp đẳng khởi tâm thì, thì sẽ làm nhân đẳng khởi, tương ứng với sân, si, làm nhân đẳng khởi lẽ ra cũng có đầy đủ mười hai chi hữu, có sân, si, vì bị chuyển biến ái làm tùy chuyển, nên không lẽ chỉ nói tâm cùng khởi tham.

Nếu căn cứ ở tâm đẳng khởi sát-na mà nói, thì hữu ái vì chuyển biến, vì sao không nói?

Có thuyết nói: Căn cứ vào nhân đẳng khởi, do nhân này vì quyết định đối với nghiệp, nên phi ái bị chuyển biến trong phát nghiệp, quyết định lại dùng ái làm tùy chuyển, vì tâm sân, si v.v... cũng chấp nhận có.

Nay, cho tâm này căn cứ ở đẳng khởi sát-na, tức do lý này mà nói

rằng: Không có Kiến đạo đoạn của thân ngữ nghiệp nào, chẳng phải nhân đẳng khởi, tâm đã phát nghiệp, thân, ngữ, lìa đẳng khởi sát-na, mà vì có chưa sinh. Nếu khác với đây, thì nêu tâm khởi nghịch. Bấy giờ, tức mắc tội Vô gián.

Lại, nhân đẳng khởi, lúc ấy có xa nên phi ái làm chuyển nghiệp sinh quyết định. Vì thế, nhân đẳng khởi này đối với nghiệp cũng chẳng phải quyết định. Do đó, quyết định căn cứ đẳng khởi sát-na, duyên khởi sát-na.

Như thế, nên biết duyên khởi liên tục xa, nghĩa là đời trước, sau, hữu thuận với thọ sau và thọ nghiệp phiền não bất định, nên luân chuyển từ vô thí, như nói: Bản tế của hữu ái v.v... không thể biết. Lại, tụng nói:

*Xưa, ta cùng các thầy
Trên đường dài sinh tử
Do không thể như thật
Thấy đúng bốn Thánh đế.*

Duyên khởi ràng buộc liên tục, nghĩa là nhân quả Vô gián của loại đồng, dị, lệ thuộc nhau mà khởi, như Khế kinh nói: Vô minh làm nhân, sinh ra tham nhiễm, vì minh làm nhân, nên không có tham nhiễm sinh.

Lại, Khế kinh nói: Từ thiện Vô gián, nhiễm vô ký sinh. Hoặc lại, trái với đây. Phần vị duyên khởi, nghĩa là năm uẩn của mười hai chi trong ba đời nối tiếp nhau Vô gián.

Hiển bày công năng pháp, nghĩa là như kinh nói: Nghiệp làm sinh nhân, ái làm khởi nhân. Công năng khác nhau của loại như thế v.v...

Trong năm loại duyên khởi này, Đức Thế Tôn nói gì? Tụng nói:

*Truyện nói theo phần vị
Theo hơn, đặt tên Chi.*

Luận nói: Các sư đối pháp đều nói rằng: Đức Phật căn cứ ở phần vị để nói các duyên khởi. Kinh chủ không tin, thuyết truyền thừa nhận nói: Nếu trong chi chi đều đủ năm uẩn, vì sao chỉ lập tên gọi vô minh v.v...

Vì vô minh v.v... trội hơn trong các phần vị. Căn cứ ở phần trội hơn để lập danh từ vô minh v.v... Nghĩa là nếu vô minh vượt trội hơn trong phần vị, thì năm uẩn của phần vị này, sẽ gọi chung là vô minh, cho đến già chết rất trội hơn trong vị. Năm uẩn của phần vị này, được gọi chung là già chết, nên thể dù chung, gọi riêng, vẫn không có lỗi.

Như thế, năm uẩn của vị trước làm duyên, đều có thể dẫn sinh

năm uẩn của phần vị sau, tùy theo sự thích ứng mà nói là tất cả.

Thượng tọa bộ đối với năm uẩn này, có lời đánh đổ, bác bỏ, dù có Vô gián sinh, nhưng không có lý duyên khởi, kết sinh hữu đầu tiên vì không đúng, nghĩa là lúc kết sinh đã có năm uẩn nối tiếp nhau ở hữu tình, chẳng phải đều có thể làm duyên. Khế kinh chỉ nói: “Vì thức vào thai”, lại mất đi lý sinh hoặc, nghiệp. Thứ lớp sanh lý, nghĩa là từ sáu xứ xúc thọ, thứ lớp khởi các phiền não. Phiền não phát nghiệp nghiệp, lại dẫn sinh, vì đều không thành. Lại nhân khác nhau, lẽ ra đều không thành, nghĩa là nói các uẩn trước sau, của hữu tình, đều chung đối nhau trước làm nhân sau, thì mất đi đạo lý khác nhau của lập nhân. Mặc dù có trước, sau Vô gián mà sinh, nhưng chẳng phải tất cả nhân có thể sinh tất cả quả, như sắc pháp khởi, dù nhờ duyên ngoài, nhưng sức hạt giống của mình, Vô gián dẫn khởi, các tâm, tâm sở đều do nhân riêng sinh. Nếu thừa nhận phần vị thì nhân không có riêng. Lại, vì đối với vô học, thành lỗi lầm, nghĩa là A-la-hán, ở vị trí ái, hoặc thủ đắc A-la-hán nên không có ái duyên thủ và thủ duyên hữu, lại vì ái v.v... không thường sinh, nghĩa là thọ làm duyên, thường sinh ra ái, hoặc ái làm duyên thường sinh ra thủ.

Nếu thừa nhận phần vị, thì phần vị này không nên thành, vì vị ấy đã qua không có khởi lại.

Lại, kinh Duyên Khởi là kinh liễu nghĩa, nghĩa là nghĩa kinh này, Đức Phật tự quyết định. Vô trí v.v... của đời trước, gọi là vô minh, phước, phi phước, bất động, gọi là hành. Thân sáu thức v.v... gọi là thức v.v... Đức Thế Tôn thường khuyên y kinh liễu nghĩa. Thế nên, ở trong liễu nghĩa đó, không nên giải thích khác nhau.

Nay, cho Thượng tọa bộ đã lập các nhân, không một nhân nào có thể ngăn dứt phần vị duyên khởi. Vả lại, kết sinh đầu tiên không đúng. Kết sinh này không phải chánh nhân, vì căn cứ nhân trội hơn để nói, nghĩa là phần vị kết sinh đầu tiên, vì dụng thức rất mạnh, nên khi vào thai mẹ, nói riêng thức kia, nhưng không phải lìa các thức như thọ, tưởng v.v... có thể sinh một mình. Trong nhân Tương ứng, câu hữu vị đã thành lập rộng, nên căn cứ ở phần vị trội hơn đã nói là thức vào thai mẹ. Đây là chứng tỏ chỗ dựa không có, tất nhiên chủ thể nương dựa không có. Thượng tọa bộ tự nói: Đức Phật dùng tiếng thức để nói chung tất cả pháp tâm sở, nên chi thức thân nhiếp chung tất cả pháp tâm, tâm sở, làm sao có thể bỏ quên? Nay, vừa dẫn kinh chứng khi kết sinh, chỉ thừa nhận có thức. lại, mất đi lý thứ lớp hoặc, nghiệp sinh. Thì ở phần vị duyên khởi đây đâu có mất? Nghĩa là như vị thức, căn cứ ở phần trội

hơn để đặt tên. Trong sáu vị xứ v.v... vì sáu xứ v.v... trội hơn, nên đối với vị sáu xứ v.v... nói tên sáu xứ v.v... Sáu xứ như thế, xúc, thọ theo thứ lớp khởi các phiền não, phiền não phát nghiệp, nghiệp lại dẫn sinh, sinh này đâu có mất? Nếu như kinh nói mà người chấp nghĩa quyết định sẽ mất đi nghĩa thứ lớp sinh như thế, nghĩa là không phải sáu xứ riêng có thể sinh xúc. Vì nói ba hòa mà vì có xúc, xúc đã chẳng phải có thì thọ từ đâu sinh? Nhân của thọ đã không có, thì hoặc, nghiệp đâu có khởi? Hoặc, nghiệp không có thì sự sinh nhân do đâu?

Lại có kinh khác nói: Xúc sinh thọ, không nên chỉ có xúc làm duyên cho thọ, thì sẽ mất đi lý sinh thứ lớp của chi hữu. Thế nên, ghét, trái phần vị của hữu, mất đi lý sinh thứ lớp hoặc nghiệp của sự sinh, nghĩa là lỗi của thuyết kia là ở chỗ tự hại tông kia. Lại, nhân sai khác không thành, về lý cũng không đúng. Dựa vào phần vị để nói về lý sai khác của nhân, là vì khéo thành, nghĩa là chẳng phải chúng ta thừa nhận từ tất cả trở lại sinh tất cả, là nhân khác nhau, vì trong các vị thừa nhận có một ít sắc, đối với sắc khác, làm nhân sinh trội hơn. Hoặc có một ít sắc, đối với tâm, tâm sở, pháp tâm, tâm sở làm nhân cũng như thế, không phải tông của chúng ta, nói tất cả sắc tâm, tâm sở của vị, đều làm nhân trội hơn. Ở các phần vị kia kia vì sinh các thứ khác nhau, nên có vị sắc trội hơn, có vị tâm trội hơn, có vị tâm tùy theo một làm trội hơn. Do gặp nhân duyên khác nhau kia kia.

Như thế, vì sự sinh khác nhau như thế, nên chỉ thừa nhận trong lý phần vị duyên khởi. Được có sự khác nhau nhân quả như đây, rõ ràng có thể thấy, sao lại bác bỏ không có. Lại, đối với vô học, trở thành lỗi lầm, điều này không có lỗi, vì là đã thừa nhận, nghĩa là ở hoặc của phần vị ái, ở vị thủ, đắc A-la-hán. Tông ta thừa nhận A-la-hán kia không có ái duyên thủ, và thủ duyên hữu.

Nếu Thượng tọa bộ cho, chứng đắc A-la-hán cũng có ái duyên thủ và thủ duyên hữu ấy, tức là nhân hữu, nên lại chiêu cảm sự sinh. Đã chiêu cảm sự sinh, nhất định có già chết.

Như thế, Ứng cúng sẽ tự quy y, nhưng chẳng phải duyên khởi đã nói trong đây, là nương tựa chung cho tất cả Bồ-đặc-già-la. Thế nên, không có chấp nhận đặt ra vấn nạn ở đây. Há A-la-hán có ái, có thủ, mà có thể lập thuyết nói, cho rằng: A-la-hán nếu là vị ái, thủ mà được A-la-hán, không lìa chuyển căn, có A-la-hán, được A-la-hán. Thế nên, Thượng tọa bộ đã phát ra lời nói, không phải do tuệ phát.

Há có khả năng giải thích như thật, đạo lý duyên khởi vi tế, sâu mầu khó biết!

Lại, ái v.v... không thường sinh, điều này cũng không có trái, vì chẳng phải điều ngăn dứt, nghĩa là chẳng phải nói phần vị duyên khởi mà luận, tức là nói. Xúc, thọ, ái, thủ, vị khác không hiện hành. mặc dù trong các vị phần nhiều đều là pháp khởi, nhưng vẫn tùy theo phần vị trội hơn. Do đặt tên chi. Thượng tọa bộ ở đây, chẳng phải không chịu thừa nhận, nghĩa là vị của chi thức, chỉ một sát-na, cũng thừa nhận ở trong đó thâm nhiếp các tâm sở, tông ta cũng như vậy, nào có gì là trái nhau.

Lại, kinh Duyên Khởi là liễu nghĩa, về mặt lý rất không thể. Thượng tọa bộ ở trong đó, nhận thấy cách thứ khác nhau, mà vì nói, giải thích cho là có vấn nạn.

Kinh nói: Nhân duyên tập hợp của ba thứ nghiệp, tức hành vi ác của thân, bị tham che lấp, cho đến nói rộng. Không nên chỉ nói: Vô minh duyên hành. Ở đây, Thượng tọa bộ chỉ tự giải thích: “Tiếng vô minh” trong đây thâm nhiếp các phiền não. Nhưng kinh chỉ nhận thấy dùng tiếng vô trí để phân biệt vô minh, không nói hoặc khác.

Lại, Thượng tọa bộ thừa nhận hai chi xúc, thọ: Cũng tức gồm nhiếp cả tác ý phi lý, nghĩa là Kế kinh nói: Tác ý phi lý là nhân của vô minh. Thượng tọa bộ giải thích: Tác ý phi lý thuộc về xúc hoặc thọ, nhưng kinh Phân biệt trong chi xúc, thọ, từng không nói có tác ý phi lý.

Lại kinh kia nói: Pháp tâm, tâm sở của chủng loại như thế, đều tức là vô minh, nhưng thật ra tâm sở khác của tâm vô minh, tướng mạo chúng đều khác không phải vô minh chung, chợt có thể vô minh, là tư duy khác nhau mà Thượng tọa bộ kia thừa nhận tư khác nhau là bình đẳng với vô minh.

Lại, Thượng tọa bộ kia tự nói: Vô minh giúp đỡ thọ, làm nhân cho ái, không phải chỉ sức của thọ, nhưng kinh Phân biệt trong thọ duyên ái, chỉ nói nhân của thọ sinh ra ái.

Lại, Thượng tọa bộ kia tự nói: Hai chi kế sau, tất nhiên có vô minh. Vì sao? Vì chẳng phải phiền não chuyển biến ngoài vô minh. Nhưng kinh Phân biệt hai chi ái, thủ, chỉ nói thứ lớp ái v.v... phân biệt trong chi sinh tử, đều là lý bất tận.

Lại, Thượng tọa bộ kia tự vấn nạn: Vì sao tiếng vô minh thâm nhiếp phiền não khác, mà chẳng phải tiếng phiền não khác, tức tự giải thích: Vì không phải lia phiền não kia, nghĩa là chẳng phải lia vô minh, phiền não khác chuyển, có lia phiền não khác vô minh độc hành.

Lại, Thượng tọa bộ kia lại vì cứu xét căn nguyên để giải thích: Vì

khởi nhanh chóng đối trị đoạn, nên dùng tiếng vô minh nhằm nói phiền não khác khởi tuệ sáng thích đáng, đối trị gần vô minh. Khi vô minh dứt, dĩ nhiên các hoặc đều dứt. Vì khiến nhàm chán vô minh kia, vì tuệ sáng nảy sinh nhanh chóng, nên dùng tiếng vô minh kia để nói các phiền não.

Tự như thế v.v... dùng vô lượng môn nhằm giải thích nghĩa lý sâu mầu tiềm ẩn của kinh kia, mà thường phán quyết là kinh liễu nghĩa. Rõ ràng, Thượng tọa bộ kia chỉ là người khinh thường phương đông, hoặc mang tâm địa ngạo mạn, buông thả, xem thường, phát ra lời nói này. Vả lại, đặt để trước sau, tự chuốc lấy tai hại trái nhau.

Về nghĩa liễu, không liễu, tướng mạo ấy ra sao, mà chất chứa ở tâm, thường phán quyết giáo duyên khởi này là kinh liễu nghĩa.

Thượng tọa bộ kia nói: Có các Thánh giáo, Đức Phật tự nêu lên, giải thích gọi là kinh liễu nghĩa, Khế kinh khác gọi là không liễu nghĩa.

Lời nói của Thượng tọa bộ kia thật phi lý, vì trong các Thánh giáo, chưa thấy văn thành thật, nói tướng như thế, chỉ là Thượng tọa bộ giả dối vì mưu toan, so đo các giáo không có Thánh, dù tương ứng với lý.

Thượng tọa bộ thường nói: Đây không phải là định lượng, hướng chi là không có Thánh giáo, lại trái với lý, mà chấp Thánh giáo này là tướng liễu nghĩa, không liễu nghĩa.

Làm sao biết được tướng đã nói ở đây chẳng phải thấy thiếu nêu lên, giải thích mà là liễu nghĩa, có sự giải thích, nêu lên đủ không phải liễu nghĩa? Nghĩa là Khế kinh nói: Phật bảo Bí-sô! Nếu có thuyết nói: Ta không dựa vào hư không, có thể khởi vô tướng và vô sở hữu. Nếu trí kiến lìa tăng thượng mạn thì sẽ không có việc này.

Trong đây, há có hai văn nêu lên, giải thích, mà thừa nhận kinh này là thuyết liễu nghĩa. Hoặc lại giải thích là có ý riêng gì? Lại có Thượng tọa bộ kia cũng thừa nhận nhất định là kinh liễu nghĩa, nghĩa là Khế kinh nói: Nếu có một loại nào đối với các pháp hành tư duy phi lý, mà có thể khởi pháp thế đệ nhất thế gian, thì không có việc đó. Tuy nhiên, trong kinh này, không có nêu lên giải thích riêng.

Các thuyết như đây v.v... loại chúng thật nhiều.

Có khi nêu lên, giải thích đủ mà chẳng phải liễu nghĩa, nghĩa là Khế kinh nói: Thế nào là giới địa trong? Nghĩa là tóc, lông, móng v.v... cho đến nói rộng. Giới đất chỉ dùng chất cứng làm tự tánh. Tóc v.v... đủ dùng sắc v.v... hợp thành.

Trong đây, vì sao nói giả làm thật. Kinh này dù hai văn nêu lên,

giải thích đầy đủ, mà lại ở trong đó nên tìm ý nghĩa sâu xa. Lại, Khế kinh nói: Phật bảo Bí-sô! Kia đây trung gian nói là đối tượng nêu lên nào?

Nêu lên như thế rồi, Đức Phật tự giải thích rằng: Đây biểu thị xúc. Kia là xúc, tập, trung gian là thọ, phi thọ, nên ở trung gian xúc và sáu xứ.

Lại, không có kinh nào khác từng phán quyết nghĩa này. Kinh này cũng hai văn nêu lên giải thích, nhưng cũng ở trong đó, lẽ ra tìm kiếm ý riêng. Lại, tức ở Khế kinh duyên khởi này, mặc dù ở trong đó, Đức Phật tự nêu lên, tự giải thích mà Thượng tọa bộ kia đã tự dùng nhiều môn để giải thích nghĩa lý sâu mầu của kinh kia. Vả lại, theo ý của Phật, thức của thức sinh hữu, gọi là chi thức, mà tự giải thích: Thức tức là sáu thức như nhãn v.v... nhưng chỉ ý thức, có thể kết sinh hữu. sự kiện này há không lẽ lại tưởng tận ý nghĩa sâu xa. Ai là người có trí chấp vững chắc như đây, có phân biệt ý kinh, gọi là liễu nghĩa. Lại, chỗ nào trong kinh cũng dùng các thứ môn, nói rộng duyên khởi, đa số không hải liễu nghĩa, đều tùy theo đối tượng thích hợp, sẽ tìm tòi ý chỉ.

Như thế, không thấu đạt tướng sai khác của kinh nghĩa liễu và không liễu mà xưng là ta dùng kinh làm định lượng, thật là phi lý, nên chuốc lấy sự Tỳ-bà-sa của chúng ta đối với tông luận đó, thường vì cười gằn, nói mát.

Ở đây, Kinh chủ giả nói lời này: Các sư kinh bộ tác bạch thế này: Thuyết đã nói trong đây, vì thuật lại ý mình, vì nghĩa kinh này, nếu là nghĩa kinh, thì nghĩa kinh sẽ không đúng. Vì sao? Vì kinh khác nói, như Khế kinh nói: Thế nào là vô minh? Nghĩa là vô trí của đời trước, cho đến nói rộng. Thuyết liễu nghĩa này không thể đê xuống trở thành nghĩa bất liễu, nên thuyết trước đã nói phần vị duyên khởi trái với nghĩa kinh. Ở đây, tông của Thượng tọa bộ, lẽ ra ngăn dứt. Lại, chỉ như nêu lên, mà vì giải thích, nghĩa là dù có tham v.v... cũng làm duyên của hành mà chỉ nêu lên vô minh, vì quán nhân riêng.

Lại, dù mười hai xứ đều là duyên của xúc, nhưng do quán nhân riêng, chỉ nêu lên sáu xứ.

Các pháp như thế v.v... chủng loại rất nhiều, như quán nhân riêng, chỉ nêu lên phần ít, cũng tức do đó, chỉ giải thích phần được nêu, làm sao chấp đây là thuyết liễu nghĩa, như nêu lên ba loại nghiệp nhân duyên và tập, chỉ tùy theo nêu lên, giải thích, nghĩa là tham, sân, si, cũng là các hoặc mạn v.v... tương ứng với chúng hoàn toàn không có làm nghiệp nhân duyên tập nhưng quán nhân riêng, chỉ nêu lên ba thứ,

do đó nên chỉ giải thích ba thứ này.

Lại, như kinh nói: Nên tu hai pháp, đó là Xa-ma-tha, Tỳ-bát-xá-na. Há do trong đây chỉ có hai được nêu lên giải thích còn chánh tư duy v.v... ấy là chẳng phải đối tượng tu.

Như thế, trong đây tùy theo ở vị nào?

Pháp này rất trội hơn, dùng nêu lên tên chi, tùy theo tên được nêu, trở lại giải thích như thế. Ở đây, đối với nghĩa kinh có gì trái nhau?

Lại, chẳng phải các kinh đều là thuyết liễu nghĩa, mà cũng có khi tùy theo thuyết trội hơn, như kinh Tượng Tích Dụ.

Giới địa nội là sao?

Là tóc, lông, móng v.v... mặc dù ở chỗ kia, chẳng phải không có các giới nước v.v... nhưng chỉ nói giới địa, tóc, lông, móng này, lẽ ra cũng như thế.

Thượng tọa bộ kia cho rằng, đối tượng dẫn, không thể làm chứng, chẳng phải trong kinh kia muốn dùng giới đất để nói về tóc, lông v.v... Nếu kinh kia hỏi: Thế nào là tóc, lông v.v...? Đáp: Giới đất nghĩa là có thể phán quyết kinh kia là không phải thuyết đầy đủ, không phải tóc, lông v.v... chỉ vì giới đất, nhưng trong kinh kia, đã dùng tóc, lông v.v... để phân biệt giới đất, không phải có giới đất vượt qua tóc, lông v.v... nên Khế kinh kia là thuyết đầy đủ. Kinh này đã nói: Chi vô minh v.v... lẽ ra cũng như tóc, lông kia, là thuyết đầy đủ, trừ thuyết này ra, sẽ không có thuyết nào khác nữa.

Lời bào chữa này thật phi lý, vì mê ý chứng. Ý chứng trong đây, nghĩa là tóc, lông v.v... là dù do nhiều pháp hình thành, nhưng vì giới đất ở trong đó vượt trội hơn, nên gọi chung là giới đất. Như trong nhóm đất kia, vì giới đất trội hơn, bỏ thì giới khác thua kém nên căn cứ giới đất trội hơn để đặt tên.

Như thế, trong đây dù mỗi vị đều đủ năm uẩn mà được ở đây căn cứ trội hơn để nói.

Chi vô minh v.v... làm sao nói là đã dẫn chẳng phải chứng. Kinh chủ ở đây lại nói thế này: Dù ở các vị đều có năm uẩn, nhưng tùy theo năm uẩn này có, không, mà vị kia có, không, có thể lập pháp này làm chi của pháp kia. Các A-la-hán dù có năm uẩn, nhưng không có hành, tùy theo phước, phi phước, bất động, hành, thức, cho đến ái v.v... Thế nên, nghĩa kinh tức như đã nói, như thế là đã nói lý thú không có sâu xa, là nghĩa nhân Câu hữu mà trước kia đã thành lập.

Kinh chủ ở trong đó chẳng phải không chịu thừa nhận, vì đã là một quả, nên thành nhân Câu hữu, tức là với vô minh, đồng một pháp

quả, như vô minh ở quả, tùy theo có, không, nhất định thành. Nếu A-la-hán dù có năm uẩn vì không có vô minh, nên hành sẽ không có, chỉ chấp vô minh làm duyên cho hành, nghĩa là các A-la-hán đã dù có thọ nhưng không có ái, nên chẳng phải chỉ thọ có thể làm duyên cho ái. Nhưng trong kinh này, nói thọ duyên ái, lại vì không khác nhau, nên chẳng phải như thuyết, tức là nghĩa kinh, nhưng lại ở trong đó, nên tìm lý riêng. Nếu xúc vô minh đã sinh ra các thọ, có thể làm duyên cho ái, không phải tất cả thọ. Các A-la-hán vì không có vô minh, nên dù các thọ, nhưng không có ái.

Há không là nghĩa của kinh không phải, tức như thuyết?

Do đó, nên tin nhận A-cấp-ma, không trái với chánh lý, là nghĩa kinh này.

Lại, ở trước đã nói, trước đã nói là sao?

Nghĩa là không phải riêng sáu xứ có thể sinh xúc, nên tùy theo thuyết trội hơn, là nghĩa kinh này, tức nói lý phần vị duyên khởi được thành. Thế nên, tụng nói: Phật căn cứ ở phần vị để nói, không có nhọc công ở đây, tiếng truyền thuyết thừa nhận, rõ ràng thuyết kia chỉ câu lời nói đủ thành câu. Duyên khởi phần vị là đối tượng nói ở đây, lý đó đã thành.

Lại, nên tư duy lựa chọn. Vì sao ở ba đời, kiến lập chi duyên khởi? Tụng nói:

Đời ở trước, sau, giữa

Dứt trừ ngu hoặc khác.

Luận nói: Căn cứ ở số hữu tình, lập mười hai chi, vì ngăn dứt ngu hoặc của hữu tình khác trong ba đời.

Sự ngu hoặc ở ba đời kia là gì?

Như Khế kinh nói: Ta ở đời quá khứ, vì từng có không phải có. Những gì là ta từng có? Ta đã từng có là sao?

Ta ở đời vị lai, vì sẽ có không phải có.

Những gì là ta sẽ có? Ta sẽ có thế nào? Ở đời hiện tại, những gì là ta? Ta nảy ra sao? Ta sở hữu cái gì? Ta sẽ có cái gì?

Vì loại trừ sự ngu hoặc ba đời như thế, nên kinh chỉ nói duyên khởi hữu tình. Về duyên khởi ba đời như trước đã nói, nghĩa là vô minh, hành và sinh, già chết. Và thức đến thọ, nên Khế kinh nói: Nếu có Bí-sô đối với các duyên khởi, duyên pháp đã sinh, có thể dùng như thật chánh tuệ quán thấy, Bí-sô kia tất nhiên không ngu hoặc đối với ba đời, nghĩa là: Ở đời quá khứ, ta từng có chẳng phải có v.v....

Có sư khác nói: Ba thứ ái, thủ, hữu cũng vì dứt trừ ngu hoặc đời

sau của hữu tình khác. Ba thứ này vì đều là nhân của đời sau, thuyết kia cũng nên nói thức cho đến thọ, cũng vì dứt trừ ngu hoặc đời trước của hữu tình khác. Vì năm thứ này đều là quả của đời trước, nên không có đời giữa, ấy là trái với Kế kinh.

Hoặc thuyết kia nên trình bày nguyên nhân khác nhau, nhưng không thể nói nên thuyết trước là hơn.

